

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *22* / 2015/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 21 tháng 9 năm 2015

UBND. HUYỆN VẠN NINH	
ĐẾN	Số:..... <i>138</i>
	Ngày:..... <i>21/9/15</i>
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ :.....	Ban hành

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 752/TTr-SKHCN ngày 18 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ-khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh và Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định

đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Khánh Hòa, Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NN, QP.

35

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Công Thiên

QUY ĐỊNH

Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 222/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ KH&CN), bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc và phương thức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Căn cứ vào đặt hàng của UBND tỉnh (hay nói cách khác là căn cứ vào thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt), hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây viết tắt là hợp đồng) đã ký kết và các nội dung đánh giá theo Quy định này.

b) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

c) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

2. Phương thức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

a) Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được tiến hành ở hai cấp: Cấp cơ sở và cấp tỉnh:

Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ở cấp cơ sở do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở.

Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ở cấp tỉnh do Sở KH&CN chủ trì thực hiện thông qua hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

b) Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được tổ chức công khai, có ý kiến nhận xét bằng văn bản của các thành viên hội đồng và bỏ phiếu đánh giá, xếp loại nhiệm vụ.

c) Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở do thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN ra quyết định thành lập;

d) Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập đối với nhiệm vụ KH&CN có kinh phí thực hiện từ 1 tỷ đồng trở lên; ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập đối với nhiệm vụ KH&CN có kinh phí thực hiện dưới 1 tỷ đồng.

đ) Đối với các nhiệm vụ KH&CN có kết quả là sản phẩm có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính) thì độ tin cậy, tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ được thẩm định bởi tổ chuyên gia, trước khi hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh họp.

Điều 3. Kinh phí tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Kinh phí đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ở cấp cơ sở được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ở cấp tỉnh lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được giao dự toán về Sở Khoa học và công nghệ.

3. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ KH&CN theo yêu cầu của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN tự trang trải.

Chương II

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

Điều 4. Sản phẩm nhiệm vụ KH&CN đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

Trong thời hạn 30 ngày trước ngày kết thúc hợp đồng hoặc văn bản gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có), chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nộp đầy đủ sản phẩm KH&CN đã ghi trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (đã ký giữa Sở KH&CN với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN) và trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã được phê duyệt về cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN để tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

Điều 5. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

1. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là hội đồng đánh giá cấp cơ sở) được thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được sản phẩm nhiệm vụ KH&CN đánh giá cấp cơ sở hợp lệ

2. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN, trong việc đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN trước khi nộp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên phản biện và các Ủy viên hội đồng. Số người của tổ chức chủ trì nhiệm vụ tham gia hội đồng không quá 1/2 tổng số thành viên của hội đồng.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cử 01 người làm thư ký.

Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và các thành viên tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia hội đồng.

4. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

a) Có chuyên môn về khoa học và công nghệ, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN;

b) Là chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và khách quan;

c) Chủ tịch hội đồng và các ủy viên phản biện ngoài các điều kiện trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ kỹ sư/cử nhân trở lên hoặc có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ được công bố trong 05 năm gần đây.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký.

a) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở. Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của hội đồng và thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt và có ủy quyền;

b) Thư ký giúp hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp của hội đồng; gửi hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 4 Quy định này và mẫu phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu 1a và 1b (áp dụng dựa trên mẫu 4a và 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN) cho các thành viên hội đồng; đọc phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của thành viên hội đồng vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo; ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp cơ sở nhiệm vụ KH&CN.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên hội đồng.

a) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gửi phiếu nhận xét cho tổ chức chủ trì trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở chậm nhất 02 ngày trước phiên họp của hội đồng.

b) Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp cơ sở, nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gửi phiếu nhận xét cho tổ chức chủ trì trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

c) Trong trường hợp cần thiết yêu cầu chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cung cấp các tài liệu của nhiệm vụ để phục vụ cho việc đánh giá.

d) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá.

đ) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 7. Phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

1. Thành viên tham dự phiên họp của hội đồng bao gồm thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện các cơ quan có liên quan và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng và hội đồng chỉ tiến hành họp khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sản phẩm nhiệm vụ KH&CN và hồ sơ đánh giá cấp cơ sở phải được chuyển cho các thành viên của hội đồng trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở ít nhất là 07 ngày làm việc.

b) Đã nhận được phiếu nhận xét của 02 Ủy viên phản biện.

c) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (khi Chủ tịch vắng và có ủy quyền) và có ít nhất một Ủy viên Phản biện.

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN (hoặc đại diện trong nhóm thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền) tham dự để báo cáo và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại phiên họp của hội đồng.

3. Các thành viên hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN theo mẫu 2 (áp dụng dựa trên mẫu 7 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).

4. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc hội đồng, trong đó có một trưởng ban và 02 ủy viên. Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu theo mẫu 3 (áp dụng dựa trên mẫu 8 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).

Điều 8. Nội dung đánh giá cấp cơ sở

1. Đánh giá về báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN

Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Nêu được phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả của nhiệm vụ KH&CN được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung

thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

2. Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với đặt hàng theo hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm dạng I, II và III.

Điều 9. Phương pháp đánh giá và xếp loại cấp cơ sở

1. Đánh giá của thành viên hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ (dạng I, II và III) đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá về tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Nộp đúng hạn (được tính tại thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN về tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 4 Quy định này); nộp chậm không quá 6 tháng (kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn nếu có); nộp chậm trên 06 tháng (kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn nếu có).

d) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau:

- “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm (số lượng, khối lượng; chất lượng) đều đạt mức “Xuất sắc”; chủng loại sản phẩm và báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN đúng hạn;

- “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN đạt mức “Đạt” trở lên;

+ Tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên;

+ Ít nhất 3/4 tiêu chí về số lượng, khối lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về số lượng, khối lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng);

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN đúng hạn hoặc chậm không quá 6 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

- “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

2. Đánh giá, xếp loại của hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt";

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

d) Thư ký hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở theo mẫu 4 (áp dụng dựa trên mẫu 9 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN), trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp, làm căn cứ để chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 10. Xử lý kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN được hội đồng đánh giá cấp cơ sở đánh giá xếp loại từ mức “Đạt” trở lên, trong vòng 15 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở để tổ chức chủ trì nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận việc hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận việc hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ KH&CN, báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ KH&CN theo mẫu 5 (áp dụng dựa trên mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN). Gửi toàn bộ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo Điều 11 Quy định này về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

3. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”, được hội đồng đánh giá cấp cơ sở kiến nghị cho gia hạn thì được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, nhưng không quá 03 tháng, theo quy định sau:

a) Thời gian được gia hạn để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN (theo kiến nghị của hội đồng đánh giá cấp cơ sở) được tính trong tổng thời gian gia hạn nhiệm vụ KH&CN: Không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

b) Đề được xem xét gia hạn, đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có văn bản đề nghị gửi Sở Khoa học và Công nghệ, kèm theo hồ sơ họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở (quyết định thành lập hội đồng, phiếu nhận xét & đánh giá, biên bản họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở);

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với nhiệm vụ KH&CN.

d) Hết thời gian gia hạn, việc đánh giá cấp cơ sở lần II được thực hiện theo quy định Chương II của Quy định này, nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN.

4. Đối với nhiệm vụ KH&CN được hội đồng đánh giá cấp cơ sở đánh giá xếp loại ở mức “Không đạt” và không kiến nghị cho gia hạn hoặc được gia hạn nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt”:

Căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 11. Nộp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh

1. Đơn vị chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm nộp đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN đã ghi trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (đã ký giữa Sở KH&CN với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN) và trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt, về Sở KH&CN để đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Thời hạn nộp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN: Thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận sản phẩm nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN về tính đầy đủ và hợp lệ của sản phẩm nhiệm vụ KH&CN. Trường hợp đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN phải lập biên nhận sản phẩm. Trường hợp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN chưa đầy đủ và hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở trong thời hạn 60 ngày. Thông tin đăng tải bao gồm:

a) Thông tin chung về nhiệm vụ KH&CN: Tên nhiệm vụ; mã số; kinh phí; thời gian thực hiện; tổ chức chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện chính nhiệm vụ;

b) Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

c) Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Thời gian thực hiện đăng tải thông tin: Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN.

Điều 13. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm đo kiểm được theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Quy định này.

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi là Tổ chuyên gia).

b) Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi là hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh) có 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, trong đó:

a) 06 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN

b) 03 thành viên là chuyên gia đại diện cơ quan quản lý, cơ quan đề xuất đặt hàng, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN.

Những chuyên gia đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, hội đồng tuyển chọn, xét duyệt nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên xem xét mời tham gia hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

c) Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có thể tham gia hội đồng nhưng không quá 01 thành viên và không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

4. Tổ chuyên gia có 03 hoặc 05 thành viên gồm các thành viên của hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

5. Những trường hợp không được tham gia hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

6. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại khoản 3 Điều này.

Điều 14. Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Điều 11 Quy định này, mẫu phiếu nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu 6a, 6b và mẫu 7 (áp dụng dựa trên mẫu 4a, 4b và mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN) đến các thành viên hội đồng và tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc.

2. Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng và hội đồng chỉ tiến hành họp khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện và một số ý kiến thành viên hội đồng và ý kiến thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng;

b) Phiên họp hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền, 01 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

3. Thành phần tham dự các phiên họp của hội đồng:

a) Ngoài các thành viên hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ, đại diện các đơn vị có liên quan được tham dự phiên họp của hội đồng

b) Sở Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

4. Chương trình họp Hội đồng:

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

c) Chủ tịch hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo các quy định của Quy định này;

d) Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của hội đồng;

đ) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc hội đồng, trong đó có một trưởng ban và 02 ủy viên;

e) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

g) Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ KH&CN. Chủ nhiệm

nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của hội đồng;

h) Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ KH&CN (nếu có); các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; ủy viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ KH&CN;

i) Các thành viên hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN theo mẫu 9 (áp dụng dựa trên mẫu 7 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN); Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ; Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu theo mẫu 10 (áp dụng dựa trên mẫu 8 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN);

k) Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá của hội đồng theo mẫu 11 (áp dụng dựa trên mẫu 9 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN). Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

l) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

5. Ý kiến kết luận của hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 15. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua phiếu đánh giá.

2. Các thành viên Hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình.

3. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá.

4. Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định.

5. Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả đánh giá của từng chuyên gia theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy định này.

Điều 16. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN;

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với đặt hàng theo hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm (dạng I, II và III); tính năng, thông số

kỹ thuật của sản phẩm (nếu có).

c) Đánh giá về tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Nêu được phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả của nhiệm vụ KH&CN được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: Mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc được thẩm định bởi tổ chuyên gia do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

b) Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Tổ chuyên gia do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 17. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đánh giá của thành viên hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá về tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- Nộp đúng hạn (được tính tại thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN về Sở KH&CN) trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có);

- Nộp chậm: Trên 30 ngày đến 06 tháng, kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có);

- Nộp chậm quá 06 tháng, kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có).

d) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau:

- “Xuất sắc” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

+ Tất cả tiêu chí về sản phẩm (số lượng, khối lượng; chất lượng) đều đạt mức “Xuất sắc”;

+ Chung loại sản phẩm và báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên;

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ đúng hạn.

- “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN đạt mức “Đạt” trở lên;

+ Tất cả tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên;

+ Ít nhất 3/4 tiêu chí về số lượng, khối lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về số lượng, khối lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng);

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN đúng hạn hoặc chậm trên 30 ngày đến 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có).

- “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có).

2. Đánh giá, xếp loại của hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

Điều 18. Tư vấn độc lập

1. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh không thống nhất về kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN;

b) Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh vi phạm các quy định đánh giá, nghiệm thu tại Quy định này;

c) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, trước khi quyết định công nhận kết quả.

2. Sở Khoa học và Công nghệ mời 02 (hai) chuyên gia hoặc 01 (một) tổ chức tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đưa ra các kết luận cuối cùng trước khi quyết định nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

3. Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn độc lập và thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập được quy định tại *Quyết định ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước*.

4. Yêu cầu đối với tổ chức tư vấn độc lập: Là tổ chức có năng lực và kinh nghiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; có kinh nghiệm trong quản lý hoạt động KH&CN hoặc sản xuất sản phẩm tương đương sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN; có đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

Điều 19. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, nộp về Sở KH&CN.

2. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN phối hợp với chủ tịch Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN. Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

3. Nhiệm vụ KH&CN được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

4. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”, được hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh kiến nghị cho gia hạn thì được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, với đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhiệm vụ KH&CN chưa được hội đồng đánh giá cấp cơ sở kiến nghị gia hạn;

b) Thời gian được gia hạn để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN (theo kiến nghị của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh) được tính trong tổng thời gian gia hạn nhiệm vụ KH&CN: Không quá 12

tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

c) Hết thời gian gia hạn, việc đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh lần II được thực hiện theo quy định Chương III của Quy định này, nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN.

6. Đối với nhiệm vụ KH&CN được hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá xếp loại ở mức “Không đạt” và không kiến nghị cho gia hạn hoặc được gia hạn nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

7. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tại *Quyết định ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.*

Điều 20. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Điều 21. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bao gồm:

- a) Biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;
- b) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, theo mẫu 13 (*áp dụng dựa trên mẫu 10 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN;*
- d) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 và 2 Điều 19 Quy định này và giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN *theo mẫu 14 (áp dụng dựa trên mẫu 11 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).*

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN và các thành viên hội đồng thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Quyết định này;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu về đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cho các bên liên quan theo yêu cầu;

c) Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN;

d) Lưu giữ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định;

đ) Báo cáo tình hình tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cung cấp hồ sơ đánh giá theo yêu cầu của UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của thư ký hành chính

a) Giúp việc hội đồng trong quá trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, hoàn thiện biên bản họp hội đồng và các thủ tục hành chính khác theo quy định;

b) Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của hội đồng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phải bảo mật thông tin của các chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ qua Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoàn thành các sản phẩm nhiệm vụ KH&CN (theo Hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN) và các quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Quyết định này.

2. Nộp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

3. Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi nhiệm vụ KH&CN đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

5. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 20 Quyết định này.

6. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN.

Điều 25. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

2. Cùng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

3. Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và đưa ra mức phân loại của nhiệm vụ KH&CN theo phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN *theo mẫu 6a, 6b (áp dụng dựa trên mẫu 4a, 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)*.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức, cá nhân khác về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên hội đồng

1. Thành viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu sản phẩm, tài liệu và nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gửi phiếu nhận xét về Sở KH&CN ít nhất 01 ngày làm việc trước khi tổ chức họp hội đồng;

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thật khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Sở KH&CN.

2. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của hội đồng theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN theo ý kiến kết luận của hội đồng.

3. Ủy viên hội đồng được bầu làm thành viên ban kiểm phiếu ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên hội đồng.

Điều 28. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia

1. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm KH&CN quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 16 Quy định này, nhận xét và có ý kiến thẩm định sản phẩm *theo mẫu 7 (áp dụng dựa trên mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)*.

2. Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết).

3. Lập báo cáo thẩm định sản phẩm *theo mẫu 8 (áp dụng dựa trên mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN)* và gửi Sở KH&CN ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

Trên cơ sở bộ biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN, giao Sở KH&CN hướng dẫn bộ biểu mẫu thực hiện theo đúng quy định.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành.



